**MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1**

**MÔN SINH HỌC 10 NĂM HỌC 2024-2025**

**1. Thời điểm kiểm tra**: Tuần 18 của năm học.

**2. Thời gian làm bài:** 45 phút

**3. Hình thức kiểm tra:** *Trắc nghiệm + Tự luận*

**4. Cấu trúc:**

- Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 30% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 24 câu. Trong đó:

**+ Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 15 câu TNNLC = 5 điểm

**+ Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 2 câu = 2,0 điểm.

 -Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

 -Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

 -Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

 -Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1 điếm.

**+ Phần III**: (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 2 câu = 1 điểm, Mỗi câu 0.5 điểm.

**+ Phần IV:** Tự luận gồm 2 câu-2 điểm

**5. Bảng ma trận sau:**

**MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN SINH HỌC 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **ĐV kiến thức** | **Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi** |
| **Trắc nghiệm Đúng/Sai** **(TNĐS)** | **Trắc nghiệm Đúng/Sai** **(TNĐS)** | **Trắc nghiệm trả lời ngắn****(TNTLN)** | **Tự luận** |
| **Biết*****(NT1)*** | **Hiểu*****(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*** | **VD*****(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*** | **Biết*****(NT1)*** | **Hiểu*****(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*** | **VD*****(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*** | **Biết*****(NT1)*** | **Hiểu*****(NT2→5 /TH1→2 /VD1)*** | **VD*****(NT6→8 /TH3→5 /VD2)*** | **Biết**  | **Hiểu** | **VD** |
| **1** | Các cấp độ tổ chức của thế giới sống | -Khái niệm và đặc điểm của cấp độ tổ chức sống-Các cấp độ tổ chức sống- Quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống | **1NT1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | Thành phần hóa học của tế bào | Các nguyên tố hoá học và nước |  | 1 TH1-2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Các phân tử sinh học | **3NT1** | 1 TH1-2 |  |  |  |  |  |  | 1VD2 |  |  |  |
| **3** | Cấu trúc tế bào | Tế bào nhân thực | **3NT1** |  | 1NT6-8 |  | 4TH1-2 |  |  |  | 1VD2 | **1NB** |  |  |
| **4** | **Trao đổi chất qua màng và truyền tin tế bào** | **Trao đổi chất qua màng tế bào** | **1NT1** | 1 TH1-2 |  |  | 2 TH1-2 |  2NT 6 |  |  |  |  |  | **1VD** |
| **Thí nghiệm co và phản co nguyên sinh** |  |  | 1NT6-8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Truyền tin tế bào** | **1NT1** | 1 TH1-2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số câu** | **9** | **4** | **2** |  | **6** | **2** |  |  | **2** | **1** |  | **1** |
| **Tổng số câu/điểm từng định dạng** | **15 câu/5 điểm** | **2 câu/2 điểm** | **2 câu/1 điểm** | **2 câu/2 điểm** |
| **Tổng điểm từng mức độ nhận thức:** | **Nhận biết: 4 điểm** | **Thông hiểu: 3 điểm** | **Vận dụng: 3 điểm** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI KỲ I - NĂM HỌC 2024 - 2925**

**MÔN: SINH HỌC 10– THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Đơn vị KT** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Dạng thức** |
| **NLC** | **Đ/S** | **TLN** | **Tự luận** |
| Các cấp độ tổ chức của thế giới sống | Khái niệm và đặc điểm của cấp độ tổ chức sống-Các cấp độ tổ chức sống- Quan hệ giữa các cấp độ tổ chức sống | - Khái niệm và đặc điểm của cấp độ tổ chức sống- Các cấp độ tổ chức sốngQuan hệ- giữa các cấp độ tổ chức sống | **1NT1** |  |  |  |
| Thành phần hóa học của tế bào | Các nguyên tố hoá học và nước | - Liệt kê được một số nguyên tố hoá học chính có trong tế bào: nguyên tố - đại lượng (C, H, O, N, S, P…), nguyên tố vi lượng (Fe, Zn, Cu..). - Nêu được vai trò của các nguyên tố vi lượng, đại lượng trong tế bào.- Nêu được vai trò của nước.- Nêu được cấu tạo hóa học của nước- Phân biệt được nguyên tố đại lượng và nguyên tố vi lượng (ví dụ, tỉ lệ có trong cơ thể, vai trò...-- Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử nước quy định tính chất vật lí, = hoá học và sinh học của nước, từ đó quy định vai trò sinh học của nước trong tế bào. | 1 TH1-2 |  |  |  |
| Các phân tử sinh học | - Nêu được đặc điểm chung của carbohydrate.-Kể đư tạo của nó.-Nêu được cấu tạo và chức năng của carbohydrate trong tế bào-Nêu được cấu trúc và đặc tính chung của lipid-Nêu được cấu trúc và chức năng của mỡ, phospholipid-Kể được tên một số loại lipid chính-Nêu được vai trò của lipid trong tế bào.-Nêu được nguyên tắc và đơn phân cấu tạo của protein.-Nêu được cấu trúc các bậc của proten-Nêu được một số chức năng của protein.- sơ lược về nguyên tắc cấu tạo của DNA, RNA.-Kể được tên các loại đơn phân cấu tạo nên DNA, RNA-Gọi được tên liên kết hóa học giữa các đơn phân trên hai mạch polynucleotide.- Trình bày cấu trúc đa phân của DNA - Vận dụng kiến thức DNA giải bài tập vê DND | **3NT1**1 TH1-2 |  | 1VD2 |  |
| Cấu trúc tế bào | Tế bào nhân thực | - Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất.- Trình bày được cấu trúc của nhân tế bào - Trình bày được chức năng quan trọng của nhân.- Nhận biết được các bào quan của tế bào nhân thực- Nêu được cấu trúc và chức năng các bào quan của tế bào nhân thực* - Quan sát hình vẽ, lập được bảng so sánh cấu tạo tế bào thực vật và động vật.
* - So sánh được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực
* - Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của thành tế bào (ở tế bào thực vật).
* - Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của màng sinh chất.

- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào | **3NT1**1NT6-8 | 4TH1-2 | 1VD2 | **1NB** |
| **Trao đổi chất qua màng và truyền tin tế bào** | **Trao đổi chất qua màng tế bào** | * - Nêu được khái niệm trao đổi chất ở tế bào.
* - Nêu được ý nghĩa của các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất.
* - Trình bày được hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất.
* - Phân biệt được các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất: vận chuyển thụ động, chủ động
* - Trình bày được cơ chế và ý nghĩa của quá trình nhập bào và xuất bào.
* - Lấy được ví dụ về các hình thức vận chuyển các chất qua màng sinh chất.
* - Lấy được ví dụ minh hoạ về hiện tượng nhập bào và xuất bào thông qua biến dạng của màng sinh chất.
* Vận dụng những hiểu biết về sự vận chuyển các chất qua màng sinh chất để giải thích một số hiện tượng thực tiễn (Bảo quản thực phẩm, muối dưa, muối cà).
 | **1NT1**1 TH1-2 | 2 TH1-22NT 6 |  | **1VD** |
| Thí nghiệm co và phản co nguyên sinh | * - Làm được thí nghiệm và quan sát hiện tượng co và phản co nguyên sinh (tế bào hành, tế bào máu,...);

- Làm được thí nghiệm tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất tế bào sống. | 1NT6-8 |  |  |  |
| Truyền tin tế bào- | -Nêu khái niệm truyền tin tế bào-Các giai đoạn truyên tin tế báoTrinh bày và hiếu được các quá trình của truyền tin tế bào của các giai đoạn truyền tin : Tiếp nhận, truyên tín hiệu và đáp ứng. | 1NT11 TH1-2 |  |  |  |
| **Tổng số câu** | **15** | **2** | **2** | **2** |

 **SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2024 - 2025**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN : SINH HỌC LỚP 10**

 (Đề này gồm có 3 trang) Thời gian 45 phút(không kể thời gian giao đề)

Họ và tên:………………………….Lớp 10/… Số báo danh:………………..Mã đề: 401

**PHẦN I(5 điểm):** Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

**Câu 1.** Cấp tổ chức sống nào dưới đây nhỏ hơn tế bào ?

 **A.** Cơ thể **B.** Cơ quan **C.** Bào quan **D.** Mô

**Câu 2.** Những nguyên tố nào sau đây là những nguyên tố vi lượng?

 A. K, S, Na, P, Fe. B. I, K, Mg, Mn. C. C, H, O, N, Fe. D. Fe, Mn, I, Zn.

**Câu 3.** Đơn phân của DNA là

1. nucleotide **B.** amino acit **C.** lipid **D.** cacbhydrate

**Câu 4.** Bào quan nào sau đây thực hiện chức năng quang hợp để tổng hợp chất hữu cơ ?

 A. Lục lạp. B. Ti thể. C. Perisosome. D. Bộ máy golgi.

**Câu 5.** Một phân tử dầu hoặc mỡ có cấu tạo bao gồm

**A.** 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

**B.** 1 phân tử glycerol, 2 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate.

**C.** 1 phân tử glycerol, 3 phân tử acid béo và1 nhóm phosphate.

 **D.** 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo

**Câu 6.** Chức năng của phân tử tRNA là

**A.** cấu tạo nên ribosome. **B.** vận chuyển amino acide

**C.** bảo quản thông tin di truyền. . **D.** vận chuyển các chất qua màng.

**Câu 7.** Thành tế bào thực vật chủ yếu cấu tạo bằng

**A.** peptydoglycan. **B.** cellulose. **C.** chitin **D.** glycogen.

**Câu 8.** Chức năng của lưới nội chất hạt là

**A.** tổng hợp các loại lipid cấu tạo nên màng sinh chất.

**B.** tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.

**C.** thuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

**D.** tắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**Câu 9.** Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ chất tan thấp đến nơi có nồng độ chất tan cao và tiêu tốn năng lượng thuộc kiểu vận chuyển nào sau đây ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Khuếch tán đơn giản | . **B.** Vận chuyển chủ động. |
|  **C.** Khuếch tán tăng cường. |  **D.** Vận chuyển thụ động. |

**Câu 10.** Giai đoạn (3) trong quá trình truyền thông tin giữa các tế bào là gì?

 **A.**Giai đoạn đáp ứng. **B.**Giai đoạn khởi đầu.

 **C.**Giai đoạn tiếp nhận. **D.**Giai đoạn truyền tin.

**Câu 11.** Cho các nhận định sau đây:

(1) Tham gia vào cấu trúc nên tế bào và cơ thể, vận chuyển các chất.

(2) Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền. (3) Xúc tác các phản ứng hoá sinh trong tế bào.(4) Điều hoà các quá trình trao đổi chất, bảo vệ cơ thể.

 Có mấy nhận định ***sai*** về chức năng của protein ?**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 12.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
|  1.Nhân2.Ribosome3.Lưới nội chất hạt4.Lưới nội chất trơn | a. Tổng hợp lipidb. Tổng hợp proteinc. Nơi tổng hợp protein (dịch mã)d. Trung tâm điều khiển hoạt động sống |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a **.B.** 1 – c; 2 – d; 3 – a; 4 – b.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c**. D.** 1 – a; 2 – d; 3 – b; 4 – c.

**Câu 13.** Một tế bào thực vật có nồng độ saccarose 0,03M. Người ta đưa tế bào này vào cốc chứa dung dịch 0,035M saccarose. Thì tế bào này sẽ

 **A.**vỡ ra **B.** phồng lên **C.** co lại **D**. không đổi

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **đúng** về cơ chế của phương thức vận chuyển thụ động?

**A.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí thẩm thấu các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**B.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**C.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**D.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển gián tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**Câu 15.** Thông tin giữa các tế bào là sự truyền tín hiệutừ tế bào này sang tế bào khác thông qua phân tử tín hiệu để tạo ra

 **A.** các xung điện dẫn truyền. **B.** các đáp ứng cảm giác.

 **C.** các đáp ứng nhất định. **D.** các xung động tế bào.

**PHẦN II(2 điểm).** Trắc nghiệm đúng sai.

**Câu 1.** Xét các nhận định sau về ti thể và lục lạp, hãy cho biết nhận định nào đúng hay sai?

 **a)** Lục lạp có chức năng quang hợp, còn ti thể đảm nhận chức năng hô hấp.(D)

 **b)** Ti thể có chứa DNA còn lục lạp thì không.(S)

 **c)** Ti thể không có hệ sắc tố, còn lục lạp có hệ sắc tố(D)

**. d)** Ti thể chỉ có ở tế bào động vật(S).

**Câu 2.** Quan sát hình sau và cho biết nhận định sau nào đúng hay sai ?



 **a)** Nước được vận chuyển qua theo phương thức (1).(S)

**b )**Phương thức vận chuyển (2) và (3) cần kênh protein xuyên màng.(D)

**c )**Các chất có kích thước lớn như glucose luôn được vận chuyển theo phương thức (3).(S)

 **d)** Các chất tan trong lipid được vận chuyển theo phương thức (1) và (2).(S)

 **PHẦN III(1 điểm).** Trắc nghiệm trả lời ngắn.

**Câu 1.** Trong số các loại bào quan dưới đây, có bao nhiêu bào quan có ở tế bào thực vật?

 (1) Bộ máy Golgi.(2) Lưới nội chất hạt. (3) Ribosome. (4) Lục lạp.

(5) Ti thể. (6) Lysosome. (7) Trung thể. .

**Câu 2.** Một phân tử DNA mạch kép có 900 nucleotide loại C và số lượng nucleotide loại A chiếm 20% tổng số nucleotide của DNA. Phân tử DNA này có bao nhiêu liên kết hidro?

**PHẦN IV(2 điểm)**

**Câu 1**(1 điiểm). Nêu cấu trúc và chức năng của nhân.

**Câu 2**(1 điểm). Em hãy giải thích tại sao trong thực tế người ta sử dụng việc ướp muối để bảo quản thực phẩm.

………………………..Hết……………………….

*Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*

 **SỞ GD & ĐT QUẢNG NAM KIỂM TRA CUỐI KÌ I - NĂM HỌC 2024 - 2025**

**TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN MÔN : SINH HỌC LỚP 10**

 (Đề này gồm có 3 trang) Thời gian 45 phút(không kể thời gian giao đề)

Họ và tên:………………………….Lớp 10/… Số báo danh:………………..Mã đề: 402

**PHẦN I(5 điểm):** Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

**Câu 1.** Cấp tổ chức sống nào dưới đây lớn hơn tế bào ?

 **A.** Phân tử **B.** mô  **C.** Bào quan **D.** Đại phân tử

**Câu 2.** Những nguyên tố nào sau đây là những nguyên tố đại lượng?

 **A.** K, S, Na, P, Fe. **B.** I, K, Mg, Mn. **C.** C, H, O, N, S. **D.** Fe, Mn, I, Zn.

**Câu 3.** Một phân tử phospholipid có cấu tạo bao gồm

**A.** 1 phân tử glycerol và 1 phân tử acid béo.

**B.** 1 phân tử glycerol và 2 phân tử acid béo và 1 nhóm phosphate.

**C.** 1 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo 1 nhóm phosphate.

**D.** 3 phân tử glycerol và 3 phân tử acid béo.

**Câu 4.** Đơn phân của protein là

 **A**.nucleotide **B.** amino acit **C.** lipid **D.** cacbhydrate

**Câu 5.** Chức năng của phân tử mRNA là

 **A.** cấu tạo nên ribosome. **B.** vận chuyển amino acide.

 **C.** làm khuôn tổng hợp protein. . **D.** vận chuyển các chất qua màng.

**Câu 6.** Chức năng của lưới nội chất trơn là

**A.** tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.

**B.**tLắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

**C.** tổng hợp lipid, chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

**D.** tang, bảo quan và lưu trữ thông tin di truyền cho tế bào.

**Câu 7.** Bào quan nào sau đây thực hiện quá trình hô hấp cung cấp năng lượng cho tế bào ?

 **A.** Lục lạp. **B.** Ti thể. **C.** Perisosome. **D.** Bộ máy golgi.

**Câu 6.** Thành tế bào nấm chủ yếu cấu tạo bằng

**A.** peptydoglycan. **B.** cellulose. **C.** chitin **D.** glycogen.

**Câu 9.** Các chất được vận chuyển từ nơi có nồng độ chất tan cao đến nơi có nồng độ chất tan thấp và không tiêu tốn năng lượng thuộc kiểu vận chuyển nào sau đây ?

|  |  |
| --- | --- |
|  **A.** Nhập bào | . **B.** Vận chuyển chủ động. |
|  **C.** Xuất bào |  **D.** Vận chuyển thụ động. |

**Câu 10.** Giai đoạn (1) trong quá trình truyền thông tin giữa các tế bào là gì?

 **A.**Giai đoạn đáp ứng. **B.**Giai đoạn khởi đầu.

 **C.**Giai đoạn tiếp nhận. **D.**Giai đoạn truyền tin.

**Câu 11.** Cho các nhận định sau đây.

(1) Tham gia vào cấu trúc nên tế bào và cơ thể, vận chuyển các chất.

(2) Lưu trữ và truyền đạt thông tin di truyền. (3) Xúc tác các phản ứng hoá sinh trong tế bào.

(4) Điều hoà các quá trình trao đổi chất, bảo vệ cơ thể.

Có mấy nhận định ***đúng*** về chức năng của protein ?**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 12.** Cho thông tin ở bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấu trúc | Chức năng |
|  1. Bộ máy Golgi2. Ti thể3. Lục lạp4. Không bào | a. Hô hấp tế bàob. Chứa nước, ion khoảng, sắc tố,……c. Chế biến, lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm tế bào.d. Quang hợp |

Khi nối các thông tin ở cột A và cột B, cách nối nào dưới đây là hợp lí?

**A.** 1 – d; 2 – c; 3 – b; 4 – a **.B.** 1 – c; 2 – a; 3 – b; 4 – d.

**C.** 1 – d; 2 – a; 3 – b; 4 – c **.D.** 1 – c; 2 – a; 3 – d; 4 – b.

**Câu 13.** Một tế bào thực vật có nồng độ saccarose 0,03M. Người ta đưa tế bào này vào cốc chứa dung dịch 0,025M saccarose. Thì tế bào này sẽ

 **A.**vỡ ra  **B.** tiêu biến **C,** co lại **D.** không đổi

**Câu 14.** Phát biểu nào sau đây **đúng** về cơ chế của phương thức vận chuyển thụ động?

**A.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí thẩm thấu các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**B.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**C.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển trực tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**D.** Kiểu vận chuyển này dựa theo nguyên lí khuếch tán của các chất từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, vận chuyển gián tiếp qua màng hoặc nhờ kênh protein xuyên màng.

**Câu 15.** Thông tin giữa các tế bào là sự truyền tín hiệutừ tế bào này sang tế bào khác thông qua phân tử tín hiệu để tạo ra

 **A.** các xung điện dẫn truyền. **B.** các đáp ứng cảm giác.

 **C.** các đáp ứng nhất định. **D.** các xung động tế bào.

**PHẦN II(2 điểm).** Trắc nghiệm đúng sai.

**Câu 1.** Xét các nhận định sau về chức năng của bộ máy Golgi, hãy cho biết nhận định nào đúng, nhận định nào sai?

 **a)** Tiếp nhận, biến đổi, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào(Đ)

 **b)** Phân giải các hợp chất hữu cơ phức tạp thành chất đơn giản sinh năng lượng(S)

 **c)** Tổng hợp một số polysaccharide cấu tạo nên thành tế bào thực vật.(Đ)

 **d)** Tổng hợp protein sau đó đóng gói và phân phối đến màng sinh chất.(S)

**Câu 2.** Quan sát hình sau và cho biết, nhận định sau nào đúng hay sai ?



**a)** Ở hình thức (1) tốc độ vận chuyển phụ thuộc chủ yếu vào sự chênh lệch nồng độ chất tan.(Đ)

**b)** Ở hình thức (2) tốc độ vận chuyển phụ thuộc chủ yếu vào số lượng kênh và thường có hiện tượng bão hòa kênh protein.(Đ)

 **c)** Ở hình thức (3) cần có sự biến dạng của màng sinh chất và không tiêu tốn năng lượng ATP.(S)

 **d)** Ở động vật, cholesterol được vận chuyển trong máu dưới dạng lipoprotein, các lipoprotein này có thể được đưa vào tế bào bằng hình thức (3).(S)

 **PHẦN III(1 điểm).** Trắc nghiệm trả lời ngắn.

**Câu 1.** Trong số các loại bào quan dưới đây, có bao nhiêu bào quan có ở tế bào động vật?

(1) Trung thể. (2) Lưới nội chất hạt. (3) Ribosome. (4) Lục lạp.

(5) Ti thể. (6) Lysosome. (7) Bộ máy Golgi.

**Câu 2.** Một phân tử DNA mạch kép có 600 nucleotide loại C và số lượng nucleotide loại A chiếm 30% tổng số nucleotide của DNA. Phân tử DNA này có bao nhiêu liên kết hidro?

**PHẦN IV(2 điểm)**

**Câu 1**(1 điiểm). Nêu cấu trúc và chức năng của nhân.

**Câu 2**(1 điểm). Tại sao khi chẻ rau muống thành sợi và ngâm vào nước thì các sợi rau lại cuộn tròn lại?

………………………..Hết……………………….

*Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – NĂM HỌC 2024 – 2025**

**MÔN SINH – LỚP 10**

**PHẦN I(5 điểm):** Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Mã đề 401

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | C | B | B | A | B | B | B | B | B | A | C | A | D | C | C |

Mã đề 402

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | B | C | A | C | C | C | B | D | D | C | C | D | A | C | C |

Mã đề 403

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | B | D | A | B | C | C | B | A | C | D | A | B | D | B | A |

Mã đề 404

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | D | B | C | D | A | A | C | C | D | C | D | B | C | C | A |

Mã đề 405

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | C | D | B | A | C | B | B | B | A | B | B | B | C | C | B |

Mã đề 406

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | A | C | A | C | C | D | D | C | A | C | C | A | C | C | B |

Mã đề 407

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | C | D | B | A | C | C | C | D | A | C | B | A | A | D | D |

Mã đề 408

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| ĐA | B | A | B | A | C | D | D | D | A | D | C | B | C | A | D |

**PHẦN II(2 điểm).** Trắc nghiệm đúng sai.

Mã đề 401

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
|  |  |  |  |
| Đ | S | Đ | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | Đ | S | S |

Mã đề 402

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | S | Đ | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

Mã đề 403

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | Đ | Đ | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | S | S | S |

Mã đề 404

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | S | S | Đ |

Mã đề 405

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | S | Đ | S |

Mã đề 406

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

Mã đề 407

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| Đ | Đ | S | S |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | S | Đ | S |

Mã đề 408

**Câu 1.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | Đ | S | Đ |

**Câu 2.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a | b | c | d |
| S | Đ | Đ | S |

**PHẦN III(1 điểm).** Trắc nghiệm trả lời ngắn.

Mã đề: 401, 403, 405, 407

**Câu 1.**  5 **Câu 2**. 3900

Mã đề: 402, 404, 406, 408

**Câu 1**. 6 **Câu 2.** 3600

**PHẦN IV(2 điểm)**

Mã đề: 401, 403, 405, 407

**Câu 1.**

+Cấu trúc

- Chủ yếu hình cầu, đường kính 5 um.

- Gồm: + Màng nhân: bao bọc, cấu tạo bởi lớp kép phospholipid và protein, có nhiều lỗ nhỏ. (0,25 điểm)

- Dịch nhân: chứa chất nhiễm sắc (chứa DNA) và hạch nhân (nhân con). (0,25 điểm)

+Chức năng

-Chứa vật chất di truyền. (0,25 điểm)

- Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào(0,25 điểm)

**Câu 2.**

Vì: - Trong môi trường muối có nồng độ cao sẽ tạo ra môi trường ưu trương khiến nước từ trong tế bào vi khuẩn, nấm,… bị rút ra ngoài gây hiện tượng co nguyên sinh(0,25 điểm)

 Từ đó dẫn đến vi sinh vật gây hại không thể tăng số lượng để phân hủy thực phẩm được. Điều đó giúp thực phẩm được bảo quản lâu hơn.(0,5 điểm)

 - Không chỉ giúp kéo dài thời gian sử dụng, thực phẩm ướp muối còn có hương vị đặc trưng khi được chế biến thành nhiều món ăn hấp dẫn(0,25 điểm).

Mã đề: 402, 404, 406, 408

**Câu 1.**

+Cấu trúc

- Chủ yếu hình cầu, đường kính 5 um.

- Gồm: + Màng nhân: bao bọc, cấu tạo bởi lớp kép phospholipid và protein, có nhiều lỗ nhỏ. (0,25 điểm)

- Dịch nhân: chứa chất nhiễm sắc (chứa DNA) và hạch nhân (nhân con). (0,25 điểm)

+Chức năng

-Chứa vật chất di truyền. (0,25 điểm)

- Là trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào(0,25 điểm)

**Câu 2.**

Khi chẻ cuống rau muống ngâm vào nước thì các sợi rau lại cuộn tròn lại vì:

- Môi trường nước bên ngoài tế bào là môi trường nhược trương, nước sẽ đi vào bên trong tế bào làm tế bào trương lên(0,5 điểm)

- Tuy nhiên, ở rau muống, thành của các tế bào bên trong và thành của các tế bào bên ngoài không đều nhau (thành của tế bào bên ngoài dày hơn thành của tế bào bên trong) nên các tế bào bên ngoài sẽ ít bị nở ra, phía bên trong sẽ nở ra nhiều nên nó làm cho sợi rau cong lại.(0,5 điểm)